

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 29 |

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000047 ("GCNĐKKD") do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km số 7, Đường Hà Nội, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Trần Việt Thắng | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Minh Ngọc | Thành viên |
| Ông Phạm Văn Thông | Thành viên |
| Ông Đỗ Văn Huân | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|------------------------|----------------------|
| Bà Nguyễn Thị Kim Dung | Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà Nguyễn Thị Huệ | Thành viên |
| Ông Phạm Thế Nghĩa | Thành viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---------------------|-------------------|----------------------------------|
| Ông Đỗ Văn Huân | Tổng Giám đốc | |
| Ông Trần Văn Quỳnh | Phó Tổng Giám đốc | bỏ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2015 |
| Ông Trương Công Bảo | Phó Tổng Giám đốc | từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Đặng Thành Kết | Phó Tổng Giám đốc | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Huân.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc: 




Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61056427/17793918

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better
working world


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1575-2013-004-1



Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 279.885.546.676 | 257.798.634.665 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 62.379.525.497 | 19.732.533.159 |
| 111 | 1. Tiền | | 6.161.287.085 | 12.732.533.159 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 56.218.238.412 | 7.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 34.990.879.270 | 29.722.640.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | 5 | 20.990.879.270 | 20.990.879.270 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 5 | - | (5.268.239.270) |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 182.196.384.694 | 207.817.087.935 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 131.689.610.531 | 156.352.462.718 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 1.625.072 | 113.000.000 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 50.623.213.920 | 51.537.304.086 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 6 | (118.064.829) | (185.678.869) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 8 | 318.757.215 | 526.373.571 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 318.757.215 | 526.373.571 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 73.836.484.449 | 86.120.068.653 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 73.731.125.358 | 86.120.068.653 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 9 | 73.731.125.358 | 86.120.068.653 |
| 222 | Nguyên giá | | 146.527.253.299 | 147.219.337.022 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (72.796.127.941) | (61.099.268.369) |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | | 105.359.091 | - |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 105.359.091 | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 353.722.031.125 | 343.918.703.318 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 39.868.616.589 | 70.104.955.435 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 39.868.616.589 | 69.926.019.799 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 10 | 18.586.642.719 | 13.524.598.941 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | - | 1.376.000.000 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 11 | 4.963.202.744 | 5.811.535.285 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 9.825.139.543 | 10.782.706.975 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 12 | 1.453.105.709 | 8.388.279.234 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 13 | 1.373.131.748 | 12.444.699.273 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | | - | 11.676.411.368 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 14 | 3.667.394.126 | 5.921.788.723 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | - | 178.935.636 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 13 | - | 178.935.636 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 313.853.414.536 | 273.813.747.883 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 15.1 | 313.853.414.536 | 273.813.747.883 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 131.040.000.000 | 100.800.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết | | 131.040.000.000 | 100.800.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 53.070.783.332 | 69.222.867.374 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | - | (3.663.270.042) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 93.984.522.332 | 78.781.616.743 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 35.758.108.872 | 28.672.533.808 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước | | 1.197.239.414 | 2.589.457.683 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 34.560.869.458 | 26.083.076.125 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 353.722.031.125 | 343.918.703.318 |

Ngô Đức Ngọc
Người lập

Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 01 | 1. Doanh thu cung cấp dịch vụ | 17.1 | 205.746.924.580 | 204.054.924.446 |
| 10 | 2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 17.1 | 205.746.924.580 | 204.054.924.446 |
| 11 | 3. Giá vốn dịch vụ cung cấp | | (155.477.373.361) | (165.225.957.121) |
| 20 | 4. Lợi nhuận gộp | | 50.269.551.219 | 38.828.967.325 |
| 21 | 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 17.2 | 2.364.340.151 | 1.240.120.413 |
| 22 | 6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 18 | 5.120.508.691 (132.388.207) | 9.090.695.883 (2.113.944.117) |
| 26 | 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20 | (14.725.379.777) | (14.281.951.659) |
| 30 | 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 43.029.020.284 | 34.877.831.962 |
| 31 | 9. Thu nhập khác | 19 | 1.438.863.636 | - |
| 32 | 10. Chi phí khác | 19 | - | (341.866.727) |
| 40 | 11. Lợi nhuận (lỗ) khác | 19 | 1.438.863.636 | (341.866.727) |
| 50 | 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 44.467.883.920 | 34.535.965.235 |
| 51 | 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 22 | (9.907.014.462) | (8.452.889.110) |
| 60 | 14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | | 34.560.869.458 | 26.083.076.125 |
| 70 | 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 15.4 | 2.395 | 1.890 |
| 71 | 16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 15.4 | 2.395 | 1.890 |



Ngô Đức Ngọc
Người lập



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Huan
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 44.467.883.920 | 34.535.965.235 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | 9 | 13.729.816.022 | 13.525.452.768 |
| 03 | Hoàn nhập dự phòng | | (5.268.239.270) | (11.115.439.131) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (3.803.203.787) | (1.240.120.413) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 18 | 132.388.207 | 2.113.944.117 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 49.258.645.092 | 37.819.802.576 |
| 09 | Giảm các khoản phải thu | | 26.020.927.605 | 15.764.353.581 |
| 10 | Giảm (tăng) hàng tồn kho | | 207.616.356 | (257.843.586) |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (6.807.875.217) | (17.892.243.137) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (132.388.207) | (2.113.944.117) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 22 | (10.594.067.685) | (6.729.345.627) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (3.284.181.434) | (2.912.821.010) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 54.668.676.510 | 23.677.958.680 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua tài sản cố định | 9 | (1.340.872.727) | - |
| 22 | Tiền thu do thanh lý tài sản cố định | 19 | 1.438.863.636 | - |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | (21.000.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi từ hoạt động đầu tư | | - | 14.968.014.220 |
| 25 | Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác | | (219.556.630) | 35.992.890 |
| 27 | Tiền lãi và cổ tức nhận được | | 2.183.672.417 | 1.240.120.413 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 2.062.106.696 | (4.755.872.477) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ | 15.1 | 7.671.186.000 | - |
| 33 | Tiền vay ngắn hạn nhận được | | - | 89.334.440.685 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn | | (11.676.411.368) | (103.935.101.582) |
| 36 | Cổ tức đã trả | 15.3 | (10.078.565.500) | (27.064.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (14.083.790.868) | (14.627.724.897) |

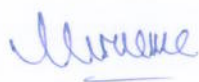
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|----------------|----------------|
| 50 | Luân chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm | | 42.646.992.338 | 4.294.361.306 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 19.732.533.159 | 15.438.171.853 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 | 62.379.525.497 | 19.732.533.159 |



Ngô Đức Ngọc
Người lập



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000047 ("GCNĐKKD") do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km số 7 Đường Hà Nội, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 208 người (31 tháng 12 năm 2014: 223 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 25.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải đường thủy | 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 6 năm |

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu khi Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho [năm tài chính] khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VND | |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 13.277.562 | 251.920.099 |
| Tiền gửi ngân hàng | 6.148.009.523 | 12.480.613.060 |
| Các khoản tương đương tiền | 56.218.238.412 | 7.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>62.379.525.497</u> | <u>19.732.533.159</u> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân 4,8% - 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | VNĐ | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23) | 118.524.161.549 | 149.292.571.843 |
| Phải thu từ bên thứ ba | <u>13.165.448.982</u> | <u>7.059.890.875</u> |
| TỔNG CỘNG | 131.689.610.531 | 156.352.462.718 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | <u>(118.064.829)</u> | <u>(185.678.869)</u> |
| GIÁ TRỊ THUẦN | <u>131.571.545.702</u> | <u>156.166.783.849</u> |

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

| | VNĐ | |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 185.678.869 | 96.478.000 |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | - | 89.200.869 |
| Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm | <u>(67.614.040)</u> | <u>-</u> |
| Số cuối năm | <u>118.064.829</u> | <u>185.678.869</u> |

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | VNĐ | |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ký quỹ thực hiện hợp đồng | 50.040.000.000 | 50.048.000.000 |
| Ứng trước theo hợp đồng hợp tác đầu tư | 255.549.520 | 35.992.890 |
| Phải thu khác | <u>327.664.400</u> | <u>1.453.311.196</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>50.623.213.920</u> | <u>51.537.304.086</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 23)</i> | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| <i>Phải thu từ bên thứ ba</i> | <u>623.213.920</u> | <u>1.537.304.086</u> |

8. HÀNG TỒN KHO

| | VNĐ | |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nhiên liệu và vật liệu | 294.451.080 | 422.479.886 |
| Công cụ, dụng cụ | <u>24.306.135</u> | <u>103.893.685</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>318.757.215</u> | <u>526.373.571</u> |

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Phương tiện vận tải đường thủy | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------|
| Nguyên giá: | | | | VND |
| Số đầu năm | 2.308.968.526 | 143.274.574.466 | 1.635.794.030 | 147.219.337.022 |
| Mua trong năm | - | - | 1.340.872.727 | 1.340.872.727 |
| Thanh lý | - | (2.032.956.450) | - | (2.032.956.450) |
| Số cuối năm | 2.308.968.526 | 141.241.618.016 | 2.976.666.757 | 146.527.253.299 |
| Trong đó: | | | | |
| Đã khấu hao hết | 2.308.968.526 | 6.464.427.405 | 1.241.990.641 | 10.015.386.572 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Số đầu năm | (2.308.968.526) | (57.168.428.045) | (1.621.871.798) | (61.099.268.369) |
| Khấu hao trong năm | - | (13.513.519.440) | (216.296.582) | (13.729.816.022) |
| Thanh lý | - | 2.032.956.450 | - | 2.032.956.450 |
| Số cuối năm | (2.308.968.526) | (68.648.991.035) | (1.838.168.380) | (72.796.127.941) |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Số đầu năm | - | 86.106.146.421 | 13.922.232 | 86.120.068.653 |
| Số cuối năm | - | 72.592.626.981 | 1.138.498.377 | 73.731.125.358 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VNĐ | | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số đầu năm | | Số cuối năm | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho bên thứ ba | 17.963.942.188 | 17.963.942.188 | 13.524.598.941 | 13.524.598.941 |
| - Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài | 8.694.258.844 | 8.694.258.844 | 2.797.332.050 | 2.797.332.050 |
| - Công ty TNHH MTV Chí Thành | 2.001.568.569 | 2.001.568.569 | 1.587.136.231 | 1.587.136.231 |
| - Công ty TNHH TM DV Đỗ Phương | 1.021.512.759 | 1.021.512.759 | 1.598.985.168 | 1.598.985.168 |
| - Phải trả đối tượng khác | 6.246.602.016 | 6.246.602.016 | 7.541.145.492 | 7.541.145.492 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23) | 622.700.531 | 622.700.531 | - | - |
| TỔNG CỘNG | 18.586.642.719 | 18.586.642.719 | 13.524.598.941 | 13.524.598.941 |

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VNĐ | | | |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------|
| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp/ cấn trừ trong năm | Số cuối năm |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 22) | 4.535.151.899 | 9.907.014.462 | 10.594.067.685 | 3.848.098.676 |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.144.497.369 | 20.718.578.832 | 20.960.625.884 | 902.450.317 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 131.886.017 | 722.028.573 | 641.260.839 | 212.653.751 |
| Các loại thuế khác | - | 8.954.400 | 8.954.400 | - |
| TỔNG CỘNG | 5.811.535.285 | 31.356.576.267 | 32.204.908.808 | 4.963.202.744 |

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VNĐ | |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Chi phí vận chuyển | 1.243.021.708 | 7.751.723.149 |
| Chi phí khác | 210.084.001 | 636.556.085 |
| TỔNG CỘNG | 1.453.105.709 | 8.388.279.234 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. PHẢI TRẢ KHÁC

| | VNĐ | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | | |
| Kinh phí công đoàn | 333.396.595 | 338.481.205 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 438.931.123 | 1.615.923.367 |
| Cổ tức phải trả | 1.434.500 | 10.080.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 599.369.530 | 410.294.701 |
| | <u>1.373.131.748</u> | <u>12.444.699.273</u> |
| Dài hạn | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | - | 178.935.636 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.373.131.748</u> | <u>12.623.634.909</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả bên thứ ba</i> | 1.100.183.622 | 11.062.211.542 |
| <i>Phải trả khác cho bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 23)</i> | 272.948.126 | 1.561.423.367 |

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | VNĐ | |
|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 5.921.788.723 | 3.825.273.599 |
| Trích lập quỹ trong năm | 2.192.388.805 | 4.961.336.134 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (4.446.783.402) | (2.864.821.010) |
| Số cuối năm | <u>3.667.394.126</u> | <u>5.921.788.723</u> |

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|--|-----------------|-------------------------|-----------------|--------------------------|---|------------------|
| Năm trước | | | | | | VND |
| Số đầu năm | 100.800.000.000 | 69.222.867.374 | (3.663.270.042) | 65.804.229.599 | 30.608.180.961 | 262.772.007.892 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 26.083.076.125 | 26.083.076.125 |
| Cổ tức công bố | - | - | - | - | (10.080.000.000) | (10.080.000.000) |
| Trích lập quỹ | - | - | - | 12.977.387.144 | (17.938.723.278) | (4.961.336.134) |
| Số cuối năm | 100.800.000.000 | 69.222.867.374 | (3.663.270.042) | 78.781.616.743 | 28.672.533.808 | 273.813.747.883 |
| Năm nay | | | | | | |
| Số đầu năm | 100.800.000.000 | 69.222.867.374 | (3.663.270.042) | 78.781.616.743 | 28.672.533.808 | 273.813.747.883 |
| Tăng vốn (*) | 30.240.000.000 | (20.160.000.000) | - | - | - | 10.080.000.000 |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ (**) | - | 4.007.915.958 | 3.663.270.042 | - | - | 7.671.186.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 34.560.869.458 | 34.560.869.458 |
| Cổ tức công bố (*) | - | - | - | - | (10.080.000.000) | (10.080.000.000) |
| Trích lập quỹ | - | - | - | 15.202.905.589 | (15.202.905.589) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | (2.192.388.805) | (2.192.388.805) |
| Số cuối năm | 131.040.000.000 | 53.070.783.332 | - | 93.984.522.332 | 35.758.108.872 | 313.853.414.536 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 26/2015/ĐHCD ngày 17 tháng 4 năm 2015 và Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị số 33/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 8 năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 3.024.000 cổ phiếu thưởng và công bố trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu thông qua sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối. Chi tiết như sau:

- ▶ Công ty phát hành thêm 2.016.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 theo tỷ lệ 5:1 (cổ đông sở hữu 5 (năm) cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 (một) cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu). Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần và giảm thặng dư vốn cổ phần tương ứng số tiền là 20.160.000.000 VNĐ.
- ▶ Công ty đã chi trả cổ tức đã công bố năm 2014 bằng 1.008.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 (mười) cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 (một) cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu). Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần tương ứng số tiền là 10.008.000.000 VNĐ.
- ▶ Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng tiền với mức 1.000 VNĐ/cổ phiếu (tổng số tiền là 10.080.000.000 VNĐ) từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014. Theo đó, Công ty đã ghi giảm lợi nhuận chưa phân phối số tiền 10.080.000.000 VNĐ. Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực chi số tiền 10.078.565.500 VNĐ trên tổng số 10.080.000.000 VNĐ cổ tức đã công bố.

Việc phát hành thêm này đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 1 tháng 12 năm 2015.

(**) Trong năm, Công ty đã tái phát hành 462.210 cổ phiếu quỹ. Việc tái phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 38 ngày 24 tháng 11 năm 2014 và đã được thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 15 tháng 12 năm 2014.

15.2 Cổ phiếu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | Giá trị VNĐ | Số cổ phiếu | Giá trị VNĐ |
| Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành | 13.104.000 | 131.040.000.000 | 10.080.000 | 100.800.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 13.104.000 | 131.040.000.000 | 10.080.000 | 100.800.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | - | - | (462.210) | (4.622.100.000) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 13.104.000 | 131.040.000.000 | 9.617.790 | 96.177.900.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.3 Cổ tức

| | VNĐ | |
|--|----------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm | | |
| Cổ tức đã công bố trong năm | 10.080.000.000 | 10.080.000.000 |
| Cổ tức đã trả bằng tiền | 10.078.565.500 | 27.064.000 |
| Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu | 10.080.000.000 | - |

15.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

| | VNĐ | |
|---|----------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước(***) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | 34.560.869.458 | 26.083.076.125 |
| Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | 3.240.000.000 | 2.192.388.805 |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty | 31.320.869.458 | 23.890.687.320 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (**) | 13.079.940 | 12.641.790 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu) | 2.395 | 1.890 |

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/2015/ĐHCD ngày 17 tháng 4 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2015 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/2015/ĐHCD ngày 17 tháng 4 năm 2015.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân năm nay đã được điều chỉnh để phản ánh việc tái phát hành 462.210 cổ phiếu quỹ và phát hành thêm 3.024.000 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu thông qua sử dụng thặng dư vốn cổ phần và nguồn lợi nhuận chưa phân phối theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

(***) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2014 đã được điều chỉnh tăng 3.024.000 cổ phiếu để phản ánh số cổ phiếu đã phát hành trong năm từ thặng dư vốn cổ phần và nguồn lợi nhuận chưa phân phối.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý | <u>86.130.626</u> | <u>86.130.626</u> |

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | <u>205.746.924.580</u> | <u>204.054.924.446</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu vận tải đường thủy</i> | 203.661.663.747 | 202.157.188.982 |
| <i>Doanh thu vận tải đường bộ</i> | 1.430.724.208 | 1.860.610.464 |
| <i>Doanh thu cho thuê kho</i> | 654.536.625 | 37.125.000 |

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | <u>2.364.340.151</u> | <u>1.240.120.413</u> |

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi vay | 132.388.207 | 2.113.944.117 |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính | (5.268.239.270) | (11.204.640.000) |
| Khác | 15.342.372 | - |
| TỔNG CỘNG | <u>(5.120.508.691)</u> | <u>(9.090.695.883)</u> |

19. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập khác | 1.438.863.636 | - |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 1.438.863.636 | - |
| Chi phí khác | - | (341.866.727) |
| Phạt vi phạm hành chính | - | (341.866.727) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | <u>1.438.863.636</u> | <u>(341.866.727)</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VNĐ | |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân công | 5.517.894.658 | 5.879.517.492 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.511.935.697 | 4.521.681.978 |
| Chi phí khấu hao tài sản | 216.296.582 | 11.933.328 |
| Chi phí khác | 3.479.252.840 | 3.868.818.861 |
| TỔNG CỘNG | <u>14.725.379.777</u> | <u>14.281.951.659</u> |

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VNĐ | |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 103.428.282.148 | 105.544.653.238 |
| Chi phí nhân công | 33.624.376.196 | 31.719.030.385 |
| Chi phí nhiên liệu và vật liệu | 17.345.212.335 | 26.077.984.374 |
| Chi phí khấu hao tài sản (Thuyết minh số 9) | 13.729.816.022 | 13.525.452.768 |
| Chi phí khác | 2.075.066.437 | 2.640.788.015 |
| TỔNG CỘNG | <u>170.202.753.138</u> | <u>179.507.908.780</u> |

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm 2015, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% lợi nhuận chịu thuế (năm 2014: 22%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế:

| | VNĐ | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 44.467.883.920 | 34.535.965.235 |
| <i>Các điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 564.000.000 | 905.866.727 |
| Lợi nhuận chịu thuế ước tính | 45.031.883.920 | 35.441.831.962 |
| Chi phí thuế TNDN ước tính | 9.907.014.462 | 7.797.203.031 |
| Thuế TNDN trích thiếu của các năm trước | - | 655.686.079 |
| Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm | 9.907.014.462 | 8.452.889.110 |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm | 4.535.151.899 | 2.811.608.416 |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm | (10.594.067.685) | (6.729.345.627) |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm | 3.848.098.676 | 4.535.151.899 |

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/ nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| | | | VNĐ | |
|---|--------------------|-----------------------------|-----------------|------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Bên liên quan | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 164.599.905.443 | 168.355.694.270 |
| | | Chi phí tiện ích | 289.278.720 | 225.345.440 |
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | Bên liên quan | Chia cổ tức | 20.191.880.000 | - |
| | | Phí tư vấn | 1.025.461.940 | 1.020.088.997 |
| | | Nhờ chi hộ | 700.000.000 | - |
| Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng | Bên liên quan | Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 802.652.774 | 604.305.554 |
| | | Doanh thu quản lý | - | 870.885.437 |

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

| | VNĐ | |
|-------------------|--------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Hội đồng Quản Trị | 504.000.000 | 504.000.000 |
| Ban Kiểm soát | 156.000.000 | 156.000.000 |
| | 660.000.000 | 660.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

| | | | | VNĐ | |
|---|--------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|--|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> | |
| <i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 5)</i> | | | | | |
| Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng | Bên liên quan | Tiền gửi có kỳ hạn | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 | |
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i> | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Bên liên quan | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 118.524.161.549 | 148.927.419.947 | |
| Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng | Bên liên quan | Doanh thu quản lý | - | 365.151.896 | |
| | | | 118.524.161.549 | 149.292.571.843 | |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i> | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Bên liên quan | Ký quỹ | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 | |
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)</i> | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Bên liên quan | Chi phí tiện ích | (30.381.552) | - | |
| Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | Bên liên quan | Doanh thu quản lý | (592.318.979) | - | |
| | | | (622.700.531) | - | |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)</i> | | | | | |
| Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng | Bên liên quan | Nhận ký quỹ | (272.948.126) | (1.561.423.367) | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | VNĐ | |
|------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Dưới 1 năm | 601.193.280 | 82.147.140 |
| Từ 1 đến 5 năm | <u>1.803.579.840</u> | <u>314.648.835</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>2.404.773.120</u> | <u>396.795.975</u> |

25. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

| | | | VNĐ | |
|---|--------------|--|----------------------|---|
| | Mã số | Số đầu năm (đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại | Số đầu năm (được trình bày lại) |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | - | 20.990.879.270 | 20.990.879.270 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | - | (5.268.239.270) | (5.268.239.270) |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 1.453.311.196 | 50.083.992.890 | 51.537.304.086 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 50.048.000.000 | (50.048.000.000) | - |
| Đầu tư dài hạn khác | | 21.026.872.160 | (21.026.872.160) | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 254 | (5.268.239.270) | 5.268.239.270 | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 68.769.407.379 | 10.012.209.364 | 78.781.616.743 |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 10.012.209.364 | (10.012.209.364) | - |
| | Mã số | Năm trước (đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại | Năm trước (được trình bày lại) |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 10 | 204.017.799.446 | 37.125.000 | 204.054.924.446 |
| Thu nhập khác | 31 | 37.125.000 | (37.125.000) | - |

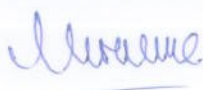
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



Ngô Đức Ngọc
Người lập



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2016